

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HS-ST

Ngày: 29-6-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Tuyền

Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HS ngày 15/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn H, sinh năm 1982 tại tỉnh A. Nơi cư trú: Không nơi cư trú xác định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Huỳnh Thị H (không đăng ký kết hôn) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 23/02/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Dương Văn B, sinh năm 1999 tại tỉnh A. Nơi cư trú: Không nơi cư trú xác định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 16/11/2021 cho đến nay; có mặt.

3. Lê Văn K, sinh năm 1996 tại tỉnh L. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà

Lê Thị C; có vợ là Diệp Thị L (không đăng ký kết hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 16/11/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH cơ điện lạnh Q. Trụ sở: 39 K, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Thanh S – Giám đốc Công ty; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phan Văn B; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K cùng làm công nhân của công trình xây dựng Khu Chung cư C, thuộc khu phố 11, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình làm việc, H thấy tại kho vật tư của công trình xây dựng có nhiều dây ống đồng không có người trông giữ, nên nảy sinh ý định trộm và rủ K, B cùng tham gia. Khoảng 22 giờ ngày 15/11/2021, K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 66K1-447.92, B điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 67G1-796.15 chở H đi đến công trình; khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy vắng người nên K, B và H đi vào kho vật tư; K và B leo vào trong kho lấy các dây ống đồng ném ra ngoài cho H bỏ vào bao; khoảng 02 giờ 30 phút ngày 16/11/2021, H, K và B trộm được 16 cuộn dây ống đồng hiệu HAILIANG GROUP kích thước: 9,52 mm x 0,81 mm x 15 mm chưa qua sử dụng và 147,5 kg dây ống đồng đã qua sử dụng được bỏ vào trong 07 bao.

Sau khi trộm được tài sản, K điều khiển xe mô tô biển số 66K1-447.92 chở 03 bao, B điều khiển xe mô tô biển số 67G1-796.15 chở 04 bao chứa các cuộn dây ống đồng đi về phòng trọ của H, B và K tại khu phố T, phường T, thị xã T; H ở lại công trình chờ B và K quay lại chở về. Khoảng 03 giờ cùng ngày 16/11/2021, khi K và B chở các bao ống đồng đi đến đường Đ, đoạn qua khu phố 3, phường P, thành phố T thì bị anh Phan Văn B (bảo vệ khu công nghiệp Đ) yêu cầu dừng xe để kiểm tra, K và B nói với anh B mới lấy trộm các cuộn dây ống đồng tại công trình Khu Chung cư C và nói anh B đưa K và B đến Công an đầu thú; vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền; đến ngày 23/02/2022, Dương Văn H đến Công an phường C để đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 289/KLTS-TTHS ngày 28/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 16 cuộn dây ống đồng hiệu HAILIANG GROUP, kích thước: 9,52 mm x 0,81 mm x 15 mm chưa qua sử dụng, trị giá 6.400.000 đồng và 147,5 kg các loại dây ống đồng đã qua sử dụng, trị giá 13.275.000 đồng; tổng giá trị tài sản là 19.675.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Các tài sản trên thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cơ điện lạnh Q (viết tắt là Công ty Q); ngày 02/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả các tài sản trên cho Công ty Q. Ngoài ra, H, K và B đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty Q số tiền 16.000.000 đồng, Công ty Q không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 66K1-447.92 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Lê Văn K. Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 67G1-796.15 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Huỳnh Thị H; việc B mượn xe của chị H làm phương tiện phạm tội, chị H không biết; ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu trả lại xe cho chị H.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 66K1-447.92.

Tại Cáo trạng số 98/CT-VKSTDM-HS ngày 17/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, xử phạt bị cáo Dương Văn B 07 tháng 16 ngày tù, thời hạn tù bằng thời gian tạm giam và xử phạt bị cáo Lê Văn K 07 tháng 16 ngày tù, thời hạn tù bằng thời gian tạm giam. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 66K1-447.92 của bị cáo Lê Văn K.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt đề nghị, cũng như về xử lý vật chứng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Dương Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Dương Văn B nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Lê Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng của vụ án, biên bản xác định hiện trường và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Khoảng từ 23 giờ ngày 15/11/2021 đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 16/11/2021, tại kho vật tư của Công trình xây dựng Khu Chung cư C, thuộc khu phố 11, phường C, thành phố T, Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K đã có hành vi trộm 16 cuộn dây ống đồng hiệu HAILIANG GROUP, kích thước: 9,52 mm x 0,81 mm x 15 mm chưa qua sử dụng và 147,5 kg các loại dây ống đồng đã qua sử dụng của Công ty Q, tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 19.675.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết

hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; tuy nhiên, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo B và K phạm tội, nên bị cáo H có vai trò chính trong vụ án.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và sau khi phạm tội các bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Đây là các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; tuy nhiên, bị cáo B và K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt và nhất thời phạm tội, thời gian tạm giam đã đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích; do đó, không cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà trả tự do cho bị cáo B và K ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội khác. Như vậy, đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị về xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 16.000.000 đồng; bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Bị cáo Lê Văn K đã sử dụng xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 66K1-447.92 làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/02/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn B 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn phạt tù bằng thời gian tạm giam. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Dương Văn B, nếu bị cáo Dương Văn B không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn phạt tù bằng thời gian tạm giam. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn K, nếu bị cáo Lê Văn K không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda, số loại Vario, màu trắng-đen, biển số 66K1-447.92, số khung: MH1JM5119LK637145, số máy: JM51E1634396 (không kiểm tra chi tiết xe, tình trạng hoạt động).

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 014.22 ngày 18/5/2022, giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Dương Văn H, Dương Văn B và Lê Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**